TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2026
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Đàm Nhân Trác

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng;

Ông Phạm Xuân Sang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trác Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 343/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025, về việc "*Ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Đình V, sinh ngày 25/02/1971; CCCD số 030071019365; địa chỉ: Thôn ĐT, xã TK, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 25/4/1974; CCCD số 030174006493; Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TK, thành phố Hải Phòng.

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; ĐKHKTT và hiện trú tại: Thôn ĐT, xã TK, thành phố Hải Phòng.

(Anh V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; chị T, chị N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn anh Vũ Đình V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện TL, tỉnh Hải Hưng (nay là xã TK, thành phố Hải Phòng) vào ngày 06/01/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2003 anh xuất khẩu lao động sang Malaisya, đến năm 2010 thì về nước, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, sau khi về nước, anh được mọi người cho biết trong thời gian anh không có ở nhà, chị T có quan hệ bất

chính với người đàn ông khác, vợ chồng mâu thuẫn, anh V bỏ vào miền Nam làm ăn từ năm 2010 đến năm 2025 anh về quê sinh sống, trong thời gian đó anh chị không còn liên lạc gì với nhau, vợ chồng sống ly thân. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn, gia đình hai bên đã nhiều lần động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên anh giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Ngọc S, sinh ngày 16/9/1994 và Vũ Thị TH, sinh ngày 07/8/2003. Hiện cả hai con đều đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Anh V, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện TL, tỉnh Hải Hưng (nay là xã TK, thành phố Hải Phòng) vào ngày 06/01/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, anh V bỏ vào Miền Nam làm ăn, sinh sống, khoảng 2-3 năm mới về nhà một lần. Đến đầu năm 2025 anh V mới về địa phương sinh sống nhưng vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay anh V có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai người làm chứng chị Nguyễn Thị N xác định: Chị N là em dâu của anh V ở sát nhà chị T, sau khi vợ chồng anh V, chị T mâu thuẫn, sống ly thân, chị T không ở cùng bố mẹ đẻ. Trong quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung. Hiện nay anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay anh V có đơn ly hôn, quan điểm của chị đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị T không đến Toà làm việc. Toà án đã giao thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho chị T thông qua trưởng thôn ĐT - nơi chị T cư trú, sinh sống, chị T đã nhận được các văn bản của Toà án nhưng không có văn bản trình bày kiến gì cho Tòa án. Chị T được Toà án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên toà lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa anh V, chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh V được ly hôn chị T. Về án phí: Anh V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Đình V có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị T và có Hộ khẩu thường trú tại: thôn ĐT, xã TK, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh V đề nghị giải quyết vắng mặt; chị T được Toà án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên toà lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình V và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện TL, tỉnh Hải Hưng (nay là xã TK, thành phố Hải Phòng) vào ngày 06/01/1994, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Theo anh V xác định là do chị T không chung thủy. Lời khai của anh V phù hợp với nội dung biên bản làm việc giữa Toà án, trưởng thôn, đại diện các đoàn thể xã TK và người làm chứng. Tuy nhiên khi được Tòa án triệu tập, chị T đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia hòa giải, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình, gây khó khăn cho anh V trong việc ly hôn. Thực tế từ khi anh V khởi kiện đến Tòa án, chị T cũng không có biện pháp nào cải thiện cuộc sống vợ chồng, tình cảm không có chuyển biến theo chiều hướng tích cực, điều đó chứng tỏ chị T cũng không có thiện chí muốn đoàn tụ, anh V vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh V, chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh V được ly hôn chị T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Anh Vũ Đình V và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là Vũ Ngọc S, sinh ngày 16/9/1994 và Vũ Thị TH, sinh ngày 07/8/2003. Hiện cả hai con đều đã trưởng thành, tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Vũ Đình V và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Vũ Đình V khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 245; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đình V được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Anh Vũ Đình V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007020 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Đình V và chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND Khu vực 11 - Hải Phòng*
- *Phòng THADS Khu vực 11 - TP Hải Phòng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã TK, TP Hải Phòng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Nhân Trác